

Bản án số: 100/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 11-9-2024

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hữu Nam

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Lương và bà Trần Thị Thu Diệp

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Anh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế:** Ông Trần Quốc Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 151/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Võ Thị Ái N**, sinh năm 1997; địa chỉ: Tổ dân phố G, phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Địa chỉ liên lạc: Tổ dân phố G, phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

- Bị đơn: Anh **Phạm Văn C**, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ dân phố G, phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trình bày của nguyên đơn tại các bản tự khai và biên bản hòa giải, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

+ **Nguyên đơn chị Võ Thị Ái N trình bày:**

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị Võ Thị Ái N và anh Phạm Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 03/3/2016 (Giấy chứng nhận kết hôn số 25/2016) và có tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng

cùng nhau sinh sống tại nhà chồng tại tổ dân phố G, phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị N nguyên nhân là do từ khi cưới nhau thì anh C đã ham chơi, làm việc không đưa tiền cho chị N để chăm lo gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vã về tiền bạc. Càng về sau anh C càng ham chơi, cờ bạc, nhiều lần nợ nần chị N và gia đình phải vay mượn để trả nợ, nhiều lần tha thứ nhưng anh C không sửa đổi. Anh C không chăm lo gia đình, còn không làm việc để trả nợ. Có những lần chủ nợ đến đòi tiền tại nhà, sau nhiều lần giải quyết mâu thuẫn vợ chồng nhưng không được, chị N đưa hai con về nhà ba mẹ ruột của chị N tại tổ dân phố G, phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế sinh sống từ tháng 5/2023 và vợ chồng ly thân từ đó đến nay; không còn quan tâm, hỏi han gì đến nhau. Anh C đi làm ăn xa, đi đi về về tại nơi cư trú, có biết về việc Tòa án đang giải quyết vụ án nhưng không đến Tòa án. Vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể chung sống với nhau được nữa, chị không còn tình cảm với anh C nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn C.

*Về con chung:* Vợ chồng có 02 người con chung là Phạm Văn H, sinh ngày 01/12/2016 và Phạm Quỳnh A, sinh ngày 23/10/2020. Chị N trình bày hiện cả hai cháu đang ở cùng với mẹ ở nhà ông bà ngoại tại tổ dân phố G, phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Cháu H năm nay lên lớp 3, học trường Tiểu học số 2 H, hằng ngày có chị N đưa đón đi học. Vì nhà nội và ngoại của cháu gần nhau nên có ông bà nội của cháu phụ giúp trong việc đưa đón cháu đi học, cho cháu ăn trưa. Cháu Quỳnh A còn nhỏ đang ở nhà, có bà ngoại chăm. Cuộc sống sinh hoạt, học tập của các cháu ổn định. Nay anh C cháu đi làm ăn xa, không thường xuyên về nhà, lâu nay anh C cũng không hỏi han tình hình con cái hay gửi tiền cho chị N để phụ giúp nuôi con. Chị N đang là công nhân may tại Công ty Cổ phần D ở khu công nghiệp T, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng nên đủ khả năng để nuôi con. Do đó, nếu ly hôn, chị N yêu cầu Tòa án xem xét giao hai cháu H và Quỳnh A cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu lần lượt đủ 18 tuổi; không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng cho con.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Chị N xác nhận vợ chồng chung sống không có tài sản chung và nợ chung, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ **Về phía bị đơn, anh Phạm Văn C:** Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh C nhưng anh C không có mặt tại trong các buổi làm việc cũng như phiên tòa xét xử.

Vào các ngày 22/5/2024 và ngày 22/8/2024, Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, được biết: Anh C đang sinh sống tại địa phương, anh đi làm ăn xa, đi đi về về thỉnh thoảng thấy có mặt tại địa phương. Việc Tòa án triệu tập anh C có biết nhưng không đến Tòa án vì lý do gì thì địa phương không rõ. Anh C, chị N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H vào ngày 03/3/2016. Quá trình chung sống, vợ chồng chị N, anh C có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C ham chơi, không chăm lo gia đình, khoảng một năm trở lại đây chị

N đưa con về nhà ba mẹ ruột của chị sinh sống. Vợ chồng có 02 người con chung là Phạm Văn H, sinh ngày 01/12/2016 và Phạm Quỳnh A, sinh ngày 23/10/2020. Hiện hai cháu đang sống cùng mẹ là chị N.

Tại biên bản lấy ý kiến của cháu Phạm Văn H: Nếu ba mẹ ly hôn, cháu có mong muốn được ở với mẹ là Võ Thị Ái N.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, các đương sự không có đơn tranh chấp tài sản chung và nợ chung, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Trà phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, anh C là bị đơn vắng mặt lần hai không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các quy định pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Ái N; Về con chung: Đề nghị giao hai cháu C là Phạm Văn H, sinh ngày 01/12/2016 và Phạm Quỳnh A, sinh ngày 23/10/2020 cho chị Võ Thị Ái N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu nên không giải quyết, anh C không phải cấp dưỡng cho con; Về tài sản chung, nợ chung: Không có ai yêu cầu gì nên không giải quyết; Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:** Bị đơn anh Phạm Văn C có địa chỉ tại: Tổ dân phố G, phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế nay có tranh chấp nên Tòa án xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Phạm Văn C không có yêu cầu phản tố và Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### **[2] Về nội dung:**

*[2.1] Về quan hệ hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Thị Ái N và anh Phạm Văn C là hợp pháp. Tòa án nhận thấy việc mâu thuẫn của chị N, anh C đã kéo dài, ngày càng trầm trọng, không thể cùng nhau chung sống được, anh C, chị N không còn sống chung hay quan tâm gì đến nhau nữa nên mục đích hôn

nhân không đạt được. Việc chị N xin ly hôn anh C là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] *Về con chung*: Anh C, chị N có 02 người con chung là Phạm Văn H, sinh ngày 01/12/2016 và Phạm Quỳnh A, sinh ngày 23/10/2020. Hiện hai cháu H và Quỳnh A đang ở với chị N, được chị N chăm sóc chu đáo. Anh C đi làm ăn xa, không thường xuyên về nhà. Xét thấy chị N có công việc ổn định, thu nhập đảm bảo, có điều kiện phù hợp hơn trong việc chăm sóc, giáo dục con; cháu Quỳnh A còn nhỏ, cần thiết có sự chăm sóc của mẹ; cháu H cũng có ý muốn ở cùng với mẹ nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu H, cháu Quỳnh A cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các cháu lần lượt đủ 18 tuổi là đúng với quy định của pháp luật tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về việc cấp dưỡng cho con: Chị N không yêu cầu nên không giải quyết, anh C không phải cấp dưỡng cho con.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị N khai không có và không yêu cầu nên Tòa án không phải giải quyết.

**[3] Về án phí ly hôn**: Chị Võ Thị Ái N phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Ái N được ly hôn với anh Phạm Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Văn H, sinh ngày 01/12/2016 và cháu Phạm Quỳnh A, sinh ngày 23/10/2020 cho chị Võ Thị Ái N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Phạm Văn C không phải cấp dưỡng cho con. Thời hạn nuôi con tính từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Phạm Văn H, cháu Phạm Quỳnh A lần lượt đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ và con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có ai yêu cầu nên Tòa án không phải giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Võ Thị Ái N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 1551 ngày 21/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế; chị Võ Thị Ái N đã nộp đủ.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TT. Huế;
- VKSND TX. Hương Trà;
- Chi cục THADS TX. Hương Trà;
- UBND phường Hương Văn  
(Số 25/2016, ngày 03/3/2016);
- Các đương sự;
- Lưu: dán; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Hữu Nam**